

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Đô;**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà **Hồ Thị Mai Hương**
Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thanh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/04/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Hải T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018; biên bản hòa giải ngày 30/03/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị B và anh T tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/10/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc hạnh phúc. Nhưng khoảng năm 2016 thì bắt đầu có phát sinh mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi nhậu, về kiếm chuyện với gia đình và không quan tâm đến vợ con. Chị B khuyên rất nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Khoảng 01 năm trở lại đây mâu thuẫn bắt đầu trầm trọng, vợ chồng hiện nay không ai quan

tâm lẫn nhau. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hải K, sinh ngày 14/7/2009 và Lê Nguyễn Khánh N, sinh ngày 05/07/2011, hiện đang sống với B. Khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/03/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Lê Hải T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận thời gian chung sống với nhau cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị B trình bày. Anh T thừa nhận là vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống là đúng. Anh đi làm và không có quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện nay vợ chồng đã sống riêng và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T vẫn còn thương vợ và có khả năng hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hải K, sinh ngày 14/7/2009 và Lê Nguyễn Khánh N, sinh ngày 05/07/2011, đang sống với B. Khi ly hôn anh T đồng ý để con chung cho chị B nuôi dưỡng, anh Trung đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Khánh N. Mức cấp dưỡng là ½ mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2018 đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1 Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thị B – Lê Hải T, ngày đăng ký 02/10/2009 do UBND xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp (Bản chính);

2. Giấy trích lục khai sinh Lê Nguyễn Hải K, sinh ngày 14/7/2009 (Bản sao);

3. Giấy khai sinh Lê Nguyễn Khánh N, sinh ngày 11/02/2013 (Bản sao);

4. Bản tự khai Lê Nguyễn Hải K, ngày 30/03/2018.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 30/03/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hải T. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Anh Lê Hải T là người bị kiện hiện đang cư trú tại ấp 4, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/10/2009. Xét thấy hôn nhân giữa anh B và anh T là hợp pháp, chị B yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, chị B và anh T đều thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn nhau. Anh T đi làm không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện nay chị B và anh T đã ly thân và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T cho rằng vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị B.

- Về con chung: Chị B và anh T thừa nhận có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hải K, sinh ngày 14/7/2009 và Lê Nguyễn Khánh N, sinh ngày 05/07/2011, hiện đang sống với B. Tại phiên tòa chị B và anh T thỏa thuận như sau: Chị B được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Khánh N với mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2018 đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Hải T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị B và anh T trình bày có tài sản chung, thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị B rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 217 và Khoản 2 Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Búp. Chị B được quyền khởi kiện giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Về nợ chung: Chị B và anh T trình bày không có nợ chung.

[3] Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Chị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000 đồng mà chị B đã nộp theo Biên lai số 04275 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Hải T phải nộp 300.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; điểm c, khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị B.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Lê Hải T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hải T như sau:

Chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Nguyễn Hải K, sinh ngày 14/7/2009 và Lê Nguyễn Khánh N, sinh ngày 05/07/2011.

Anh Lê Hải T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Nguyễn Khánh N hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lê Hải T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị B. Nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hải T thống nhất không có.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp theo Biên lai thu tiền số 04275 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Hải T phải nộp 300.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đô